

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Khắc Len	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tài Anh	Thành viên
Ông Lương Văn Đài	Thành viên (đến ngày 29/02/2012)
Ông Phạm Văn Thảo	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Nam	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Tài Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/05/2011)
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/10/2011)

Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty là Bà Bùi Thị Ngọc Lý

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

---

**Nguyễn Tài Anh**  
**Tổng Giám đốc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2012*

Số. /2012/UHY-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 07 tháng 02 năm 2011, trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Nguyễn Tụ Trung**  
**Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

---

**Tô Thị Thanh Nga**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

***Thay mặt và đại diện cho***  
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2012*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>280.549.872.861</b>	<b>266.374.057.469</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>39.828.489.466</b>	<b>36.105.100.020</b>
Tiền	111		11.226.259.981	9.445.761.952
Các khoản tương đương tiền	112		28.602.229.485	26.659.338.068
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		10.000.000.000	4.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>191.697.164.501</b>	<b>198.117.945.504</b>
Phải thu khách hàng	131	6	192.083.350.848	212.961.313.062
Trả trước cho người bán	132		17.864.830.562	2.944.238.790
Các khoản phải thu khác	135	7	507.285.431	470.513.185
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	8	(18.758.302.340)	(18.258.119.533)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>36.611.485.136</b>	<b>27.446.534.794</b>
Hàng tồn kho	141	9	36.750.246.422	27.879.254.789
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(138.761.286)	(432.719.995)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.412.733.758</b>	<b>704.477.151</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.470.857.047	87.790.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.158.040
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	941.876.711	614.529.111
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.645.355.807</b>	<b>15.768.614.199</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.760.030.951</b>	<b>14.126.898.822</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.693.041.658	11.764.445.843
- Nguyên giá	222		68.087.693.013	64.191.308.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.394.651.355)	(52.426.862.179)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.066.989.293	2.362.452.979
- Nguyên giá	228		4.835.848.953	17.885.892.065
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.768.859.660)	(15.523.439.086)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>18.406.850.600</b>	<b>1.206.850.600</b>
Đầu tư dài hạn khác	258	13	18.406.850.600	1.206.850.600
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>478.474.256</b>	<b>434.864.777</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		447.474.256	261.576.780
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	142.287.997
Tài sản dài hạn khác	268		31.000.000	31.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>313.195.228.668</b>	<b>282.142.671.668</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>235.348.585.211</b>	<b>210.067.923.518</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>234.582.841.312</b>	<b>207.395.144.013</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	21.380.856.339	9.953.823.609
Phải trả người bán	312		46.524.583.337	40.638.664.341
Người mua trả tiền trước	313	15	70.024.168.598	48.923.796.519
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	14.745.961.803	14.479.368.650
Phải trả người lao động	315		56.481.862.454	62.243.593.614
Chi phí phải trả	316	17	491.651.373	1.786.760.298
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		219.529.440	219.529.440
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	18.006.277.275	21.463.817.533
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	807.478.689
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.707.950.693	6.878.311.320
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>765.743.899</b>	<b>2.672.779.505</b>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		600.552.176	516.940.095
Dự phòng phải trả dài hạn	337		165.191.723	2.155.839.410
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>77.846.643.457</b>	<b>72.074.748.150</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>77.560.348.515</b>	<b>71.788.453.208</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		44.390.000.000	44.390.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		(345.866.310)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(499.585.808)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		12.289.366.362	7.904.270.290
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.439.000.000	3.533.231.497
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.284.435.071	15.958.360.221
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		2.999.200	2.591.200
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>286.294.942</b>	<b>286.294.942</b>
Nguồn kinh phí	432		286.294.942	286.294.942
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>313.195.228.668</b>	<b>282.142.671.668</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		2.397.162.633	2.453.566.542
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		543.856.991	543.856.991
Ngoại tệ các loại			
- USD		8.782,01	131.311,70

---

**Nguyễn Tài Anh**  
**Tổng Giám đốc**  
*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2012*

---

**Bùi Thị Ngọc Lý**  
**Trưởng phòng TCKT**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>285.882.505.486</b>	<b>342.239.609.882</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	20	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>285.882.505.486</b>	<b>342.239.609.882</b>
Giá vốn hàng bán	11	21	220.553.905.513	264.768.483.081
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>65.328.599.973</b>	<b>77.471.126.801</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.340.530.325	4.590.855.755
Chi phí tài chính	22	23	7.316.754.776	1.857.947.743
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.678.011.296</i>	<i>632.448.271</i>
Chi phí bán hàng	24		(1.033.019.559)	1.229.688.024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		41.486.936.290	60.112.647.381
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>20.898.458.791</b>	<b>18.861.699.408</b>
Thu nhập khác	31		1.105.070.752	2.683.838.876
Chi phí khác	32		(697.685.118)	263.739.609
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.802.755.870</b>	<b>2.420.099.267</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>22.701.214.661</b>	<b>21.281.798.675</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	5.274.491.593	4.567.998.465
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	142.287.997	711.439.989
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>17.284.435.071</b>	<b>16.002.360.221</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	3.896	3.605

**Nguyễn Tài Anh**  
**Tổng Giám đốc**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2012

**Bùi Thị Ngọc Lý**  
**Trưởng phòng TCKT**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>22.701.214.661</b>	<b>21.281.798.675</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	2		5.618.439.795	8.201.508.552
Các khoản dự phòng	3		206.224.098	16.621.504.021
Lãi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		4.094.774.995	499.530.515
Lãi hoạt động đầu tư	5		1.298.213.155	(3.938.714.010)
Chi phí lãi vay	6		2.678.011.296	632.448.271
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>36.596.878.000</b>	<b>43.298.076.024</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	9		7.056.496.633	(81.650.685.257)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(8.870.991.633)	9.026.495.991
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.473.235.659	(6.339.584.826)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.568.964.523)	23.540.062
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.678.011.296)	(632.448.271)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.317.400.018)	(5.234.553.796)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		323.939.612	1.082.300.828
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.082.278.393)	(1.704.691.432)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>26.932.904.041</b>	<b>(42.131.550.677)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.162.421.720)	(3.241.534.285)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		163.881.971	704.057.727
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	55.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.200.000.000)	(753.150.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.095.857.943	3.868.732.369
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(26.102.681.806)</b>	<b>(1.366.894.189)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>Năm 2011 VND</b>	<b>Năm 2010 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
		(345.866.310)	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	78.863.061.375	18.625.076.222
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(67.436.028.645)	(15.657.820.015)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.661.165.000)	(7.680.970.000)
	<b>40</b>	<b>2.420.001.420</b>	<b>(4.713.713.793)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>3.250.223.655</b>	<b>(48.212.158.659)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>36.105.100.020</b>	<b>84.374.395.104</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	473.165.791	(57.136.425)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>39.828.489.466</b>	<b>36.105.100.020</b>

**Nguyễn Tài Anh**  
**Tổng Giám đốc**  
TP.Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2012

**Bùi Thị Ngọc Lý**  
**Trưởng phòng TCKT**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2, doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 338/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103008270, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2007.

Vốn điều lệ của Công ty là 44.390.000.000 đồng chia thành 4.439.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 2.275.490 cổ phần tương ứng 22.754.900.000 đồng, chiếm 51,26% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 2.163.510 cổ phần tương ứng 21.635.100.000 đồng, chiếm 48,74% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có hai Chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc, gồm:

- Xí nghiệp Khảo sát tổng hợp Miền Nam
- Xí nghiệp Cơ điện

Ngày 13 tháng 10 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết 4.439.000 cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV2.

#### **1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng các công trình nguồn điện, thủy lợi và các công trình công cộng, dân dụng;
- Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện;
- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Mua bán vật tư thiết bị xây dựng;
- Quản lý dự án và thi công xây dựng công trình điện lực, công nghiệp, dân dụng;
- Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Kiểm định chất lượng xây dựng công trình và các dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng;
- Đo vẽ địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, địa vật lý, thí nghiệm cơ lý đất đá, cát, cuội, sỏi, nước ngầm, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ đo vẽ bản đồ địa hình, địa chất; khảo sát, điều tra tác động môi trường, bồi thường, tái định canh, định cư các dự án đầu tư xây dựng;
- Nhận thầu khai thác, tinh chế, lọc nước phục vụ sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Chế tạo thiết bị cơ khí;
- Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp, dân dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Trong năm, một số công trình không trích lập dự phòng bảo hành công trình mà thực hiện phát hành thư bảo lãnh dự phòng đảm bảo thanh toán 5% giá trị công trình cho chủ đầu tư với tổng số tiền là: 1.362.736.180 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Số năm khấu hao</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 6
- Máy móc, thiết bị	2 - 5
- Phương tiện vận tải	6
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính. Quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không trích khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 NGOẠI TỆ**

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận phát sinh do đánh giá lại tỷ giá của các khoản công nợ, tiền mặt có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối.

VAS 10 có sự khác biệt so với Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc mục “Vốn chủ sở hữu” trên Bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Tổng Giám đốc quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 201 và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

Trong năm 2011, đơn vị ghi nhận khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá của số dư tại ngày 31/12/2010 của các tài sản bằng tiền, phải thu phải trả ngắn hạn theo Biên bản kiểm toán nhà nước 2010 đề nghị áp dụng theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, do đó chi phí khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2011 giảm 499.585.808 đồng.

**3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được ghi nhận tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể:

- Đối với các sản phẩm, dịch vụ đã nghiệm thu, quyết toán toàn bộ khối lượng hoàn thành, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác nhận khối lượng hoàn thành, biên bản quyết toán, bàn giao sản phẩm hoàn thành được bên A chấp nhận.
- Đối với các sản phẩm, dịch vụ hoàn thành theo giai đoạn, doanh thu được ghi nhận theo tỷ lệ bên A thực thanh toán và Công ty đã phát hành hoá đơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

*Doanh thu hoạt động tài chính:*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hoạt động xây lắp được kết chuyển phù hợp với khối lượng hoàn thành và doanh thu đã ghi nhận. Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế và cơ khí được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với doanh thu ghi nhận.

Trong năm 2011, đơn giá tiền lương theo doanh thu tự làm của Xí nghiệp Cơ điện thay đổi từ 15% xuống 11,7%, tương ứng chi phí tiền lương giảm 1.137.703.542 đồng, theo Quyết định của Hội đồng Quản trị ngày 31/12/2011.

**3.10 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.11 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 THUẾ (TIẾP)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kê toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	548.188.941	368.083.621
Tiền gửi ngân hàng	10.678.071.040	9.077.678.331
Các khoản tương đương tiền (*)	28.602.229.485	26.659.338.068
<b>Cộng</b>	<b>39.828.489.466</b>	<b>36.105.100.020</b>

(\*) Là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng Thương mại.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	10.000.000.000	4.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Thuận</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>

(\*) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 1 năm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. và Chi nhánh Bình Thuận.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các đơn vị trong EVN và NPT	97.774.509.736	133.360.098.563
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	94.308.841.112	79.601.214.499
<b>Cộng</b>	<b>192.083.350.848</b>	<b>212.961.313.062</b>

EVN: Các đơn vị trong ngành điện lực

NPT : Các đơn vị trong Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh toán với nhà thầu nước ngoài	118.301.579	118.301.579
Phải thu tiền đền bù các hộ dân	59.394.000	59.394.000
Thuế GTGT chưa kê khai	-	65.940.000
Phải thu khác	329.589.852	226.877.606
<b>Cộng</b>	<b>507.285.431</b>	<b>470.513.185</b>

**8. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	
	<b>Số dư nợ quá hạn</b>	<b>Số trích lập</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	600.916.877	180.275.063
Các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	25.564.969.856	12.782.484.928
Các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	3.814.639.552	2.670.247.687
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm	3.125.294.662	3.125.294.662
<b>Cộng</b>	<b>33.105.820.947</b>	<b>18.758.302.340</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	509.636.194	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.883.945.181	4.371.043.463
Công cụ, dụng cụ	117.384.462	45.253.441
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.258.007.745	20.244.098.518
Thành phẩm	200.681.594	272.917.705
Hàng hoá	2.780.591.246	2.945.941.662
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>36.750.246.422</b>	<b>27.879.254.789</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	3.704.459
Tạm ứng	941.876.711	610.824.652
<b>Cộng</b>	<b>941.876.711</b>	<b>614.529.111</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, P7, Q3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>11.223.398.461</b>	<b>30.752.303.619</b>	<b>17.342.244.322</b>	<b>4.658.178.824</b>	<b>215.182.796</b>	<b>64.191.308.022</b>
- Mua trong năm	386.859.522	2.002.302.347	1.845.692.910	794.293.699	-	5.029.148.478
- Tặng khác	-	-	902.574.819	186.732.221	-	1.089.307.040
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.016.953.348)	-	(206.674.313)	-	(1.223.627.661)
- Giảm khác	-	(95.868.047)	(902.574.819)	-	-	(998.442.866)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>11.610.257.983</b>	<b>31.641.784.571</b>	<b>19.187.937.232</b>	<b>5.432.530.431</b>	<b>215.182.796</b>	<b>68.087.693.013</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>8.705.998.028</b>	<b>25.255.615.944</b>	<b>14.292.798.951</b>	<b>3.990.770.094</b>	<b>181.679.162</b>	<b>52.426.862.179</b>
- Khấu hao trong năm	531.431.183	2.671.759.436	1.287.754.147	763.756.287	14.275.056	5.268.976.109
- Tặng khác	-	-	902.574.819	10.272.727	-	912.847.546
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.016.953.348)	-	(206.674.313)	-	(1.223.627.661)
- Giảm khác	-	(87.831.999)	(902.574.819)	-	-	(990.406.818)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>9.237.429.211</b>	<b>26.822.590.033</b>	<b>15.580.553.098</b>	<b>4.558.124.795</b>	<b>195.954.218</b>	<b>56.394.651.355</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>2.517.400.433</b>	<b>5.496.687.675</b>	<b>3.049.445.371</b>	<b>667.408.730</b>	<b>33.503.634</b>	<b>11.764.445.843</b>
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>2.372.828.772</b>	<b>4.819.194.538</b>	<b>3.607.384.134</b>	<b>874.405.636</b>	<b>19.228.578</b>	<b>11.693.041.658</b>

\* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 2.449.115.557 đồng

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 38.355.239.410 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác (*) VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	1.992.800.000	2.789.048.953	13.104.043.112	17.885.892.065
- Mua trong năm	-	54.000.000	-	54.000.000
- Giảm khác (*)	-	-	(13.104.043.112)	(13.104.043.112)
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.992.800.000</u>	<u>2.843.048.953</u>	<u>-</u>	<u>4.835.848.953</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	-	2.419.395.974	13.104.043.112	15.523.439.086
- Khấu hao trong năm	-	349.463.686	-	349.463.686
- Giảm khác (*)	-	-	(13.104.043.112)	(13.104.043.112)
Tại ngày 31/12/2011	<u>-</u>	<u>2.768.859.660</u>	<u>-</u>	<u>2.768.859.660</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2011	<u>1.992.800.000</u>	<u>369.652.979</u>	<u>-</u>	<u>2.362.452.979</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.992.800.000</u>	<u>74.189.293</u>	<u>-</u>	<u>2.066.989.293</u>

(\*): Tài sản cố định vô hình khác là giá trị lợi thế khi xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm 31/12/2005. Tài sản này đã khấu hao hết và được ghi giảm khỏi danh mục tài sản cố định vô hình.

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2011		Tại 01/01/2011	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
		<b>18.406.850.600</b>		<b>1.206.850.600</b>
- Đầu tư vào Công ty CP EVN Quốc Tế	165.685	1.656.850.600	120.685	1.206.850.600
- Đầu tư vào Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	1.675.000	16.750.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<u>18.406.850.600</u>		<u>1.206.850.600</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	21.380.856.339	9.953.823.609
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh (*)</i>	<i>18.708.856.339</i>	<i>9.953.823.609</i>
<i>Vay cá nhân (**)</i>	<i>2.672.000.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>21.380.856.339</b>	<b>9.953.823.609</b>

(\*) : Là khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay hạn mức tín dụng ngắn hạn số 10/2011/93115 ngày 11/03/2011:

- Hạn mức tín dụng là 27.000.000.000 VND;

- Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn chi tiết, theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ;

- Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động của Bên vay

- Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 20/2006/93115 ngày 07/08/2006 và phục lục sửa đổi hợp đồng, bổ sung hợp đồng thế chấp số 33/2008/93115 ngày 04/08/2008; Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 31010001020985 theo hợp đồng cầm cố số 32/2008/93115 ngày 04/08/2008; Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 31010001191094 theo hợp đồng cầm cố số 08/2010/93115 tháng 04/2010, và Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 31010001495325 theo hợp đồng cầm cố tài sản số 05/2011/93115 - HĐCC ngày 14/02/2011.

(\*\*): Là khoản vay cá nhân lãi suất 15,5%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các đơn vị trong EVN và NPT	22.809.446.309	15.934.625.310
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	47.214.722.289	32.989.171.209
<b>Cộng</b>	<b>70.024.168.598</b>	<b>48.923.796.519</b>

EVN: Các đơn vị trong ngành điện lực

NPT : Các đơn vị trong Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	10.261.732.560	11.123.118.668
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.766.343.359	2.809.251.784
Thuế thu nhập cá nhân	717.885.884	546.998.198
<b>Cộng</b>	<b>14.745.961.803</b>	<b>14.479.368.650</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	112.990.650	29.177.228
Chi phí thuê tư vấn phụ (*)	70.288.723	1.074.373.465
+ Công trình đường giao thông - Trung tâm Điện lực Duyên Hải	-	553.869.382
+ Công trình cơ sở hạ tầng trung tâm Điện lực Duyên Hải	-	168.254.952
+ Công trình Nhà máy điện Duyên Hải 1	-	47.414.953
+ Hạng mục tuyến năng lượng - Thủy điện Bảo Lộc	-	100.000.000
+ Công trình TBA 500KV Mỹ Tho	70.288.723	70.288.723
+ Khác	-	134.545.455
Chi phí phải trả khác	308.372.000	683.209.605
<b>Cộng</b>	<b>491.651.373</b>	<b>1.786.760.298</b>

(\*): Là các khoản chi phí thuê tư vấn phụ đã có biên bản nghiệm thu hoàn thành, nhưng nhà thầu tư vấn phụ chưa phát hành hóa đơn Giá trị gia tăng cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	28.961.076
Kinh phí công đoàn	4.406.196.991	4.062.802.279
Bảo hiểm xã hội	116.877.894	75.934.738
Bảo hiểm y tế	-	9.256.600
Phải trả về cổ phần hoá	-	5.377.834.912
Thanh toán với nhà thầu nước ngoài	9.695.389.892	9.863.703.974
Cổ tức năm 2007, 2008 phải trả	264.508.680	286.903.680
Cổ tức năm 2009 phải trả	333.040.000	387.610.000
Cổ tức năm 2010 phải trả	293.800.000	-
Đoàn phí công đoàn	769.879.722	439.293.766
Phải trả cho King's Grating	259.949.753	-
Phải trả cho Huawei	112.802.272	-
Phải trả cho Công ty TNHH Bảo Tuấn	14.812.000	-
Phải trả thuế TNCN theo quyết toán thuế 2010	735.220.839	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.003.799.232	931.516.508
<b>Cộng</b>	<b>18.006.277.275</b>	<b>21.463.817.533</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ của Công ty là 44.390.000.000 đồng, chia thành 4.439.000 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 2.275.490 cổ phần tương ứng 22.754.900.000 đồng, chiếm 51,26% vốn điều lệ;
- Các Cổ đông khác nắm giữ 2.163.510 cổ phần tương ứng 21.635.100.000 đồng, chiếm 48,74% vốn điều lệ.

**19.2 CỔ PHIẾU**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	4.439.000	4.439.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.439.000	4.439.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	4.439.000	4.439.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	40.500	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.398.500	4.439.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	4.398.500	4.439.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>44.390.000.000</b>	-	-	<b>4.042.841.706</b>	<b>1.792.338.366</b>	<b>1.735.600</b>	<b>23.096.904.641</b>	<b>73.323.820.313</b>
- Trích lập các quỹ từ LN CPP năm 2009	-	-	-	3.861.428.584	1.752.899.795	-	(5.614.328.379)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6.835.945.406)	(6.835.945.406)
- Tặng khác	-	-	-	-	-	855.600	-	855.600
- Chia cổ tức còn lại từ LN năm 2009	-	-	-	-	-	-	(5.326.800.000)	(5.326.800.000)
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-	-	-	-	-	(4.849.343.571)	(4.849.343.571)
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	16.002.360.221	16.002.360.221
- Giảm khác	-	-	-	-	(12.006.664)	-	(514.487.285)	(526.493.949)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>44.390.000.000</b>	-	-	<b>7.904.270.290</b>	<b>3.533.231.497</b>	<b>2.591.200</b>	<b>15.958.360.221</b>	<b>71.788.453.208</b>
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>44.390.000.000</b>	-	-	<b>7.904.270.290</b>	<b>3.533.231.497</b>	<b>2.591.200</b>	<b>15.958.360.221</b>	<b>71.788.453.208</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	17.284.435.071	17.284.435.071
- Trích lập các quỹ từ LN CPP năm 2010	-	-	-	4.385.096.072	905.768.503	-	(5.290.864.575)	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	408.000	48.000.000	48.408.000
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.785.495.646)	(1.785.495.646)
- Chia cổ tức còn lại từ LN năm 2010	-	-	-	-	-	-	(8.878.000.000)	(8.878.000.000)
- Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	-	-	(499.585.808)	-	-	-	-	(499.585.808)
- Giảm khác	-	(345.866.310)	-	-	-	-	(52.000.000)	(397.866.310)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>44.390.000.000</b>	<b>(345.866.310)</b>	<b>(499.585.808)</b>	<b>12.289.366.362</b>	<b>4.439.000.000</b>	<b>2.999.200</b>	<b>17.284.435.071</b>	<b>77.560.348.515</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>285.882.505.486</b>	<b>342.239.609.882</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	242.579.362.428	288.864.405.773
+ Doanh thu hoạt động gia công cơ khí	39.414.790.203	31.016.953.770
+ Doanh thu hoạt động xây lắp	3.715.072.855	22.358.250.339
+ Doanh thu khác	173.280.000	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>285.882.505.486</b>	<b>342.239.609.882</b>
Trong đó:		
+ Hoạt động khảo sát thiết kế	242.579.362.428	288.864.405.773
+ Hoạt động gia công cơ khí	39.414.790.203	31.016.953.770
+ Hoạt động xây lắp	3.715.072.855	22.358.250.339
+ Hoạt động khác	173.280.000	-

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế	179.858.125.042	218.133.866.220
Giá vốn hoạt động gia công cơ khí	36.926.239.664	27.557.736.635
Giá vốn hoạt động xây lắp	3.648.440.482	19.076.880.226
Hoạt động khác	121.100.325	-
<b>Cộng</b>	<b>220.553.905.513</b>	<b>264.768.483.081</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.024.151.745	3.786.473.169
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	87.259.200
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	85.322.452	717.068.093
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	45.953.478	55.293
Doanh thu hoạt động tài chính khác	185.102.650	-
<b>Cộng</b>	<b>3.340.530.325</b>	<b>4.590.855.755</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	2.678.011.296	632.448.271
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	495.516.028	725.913.664
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.143.227.452	499.585.808
<b>Cộng</b>	<b>7.316.754.776</b>	<b>1.857.947.743</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>22.701.214.661</b>	<b>21.281.798.675</b>
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.034.096.300)	(164.044.865)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	93.236.777	501.430.515
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(1.127.333.077)	(665.475.380)
Tổng thu nhập chịu thuế	21.667.118.361	21.117.753.810
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành</b>	<b>5.416.779.590</b>	<b>5.279.438.453</b>
Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(142.287.997)	(711.439.989)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.274.491.593</b>	<b>4.567.998.465</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (*)	142.287.997	711.439.989
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>142.287.997</b>	<b>711.439.989</b>

(\*) Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, do chi phí khấu hao kế toán cao hơn chi phí khấu hao tính thuế Thu nhập doanh nghiệp của tài sản cố định vô hình là “lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>17.284.435.071</b>	<b>16.002.360.221</b>
Số điều chỉnh tăng	-	-
Số điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông</b>	<b>17.284.435.071</b>	<b>16.002.360.221</b>
Số cổ phiếu bình quân	4.436.008	4.439.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.896</b>	<b>3.605</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.874.463.962	43.719.097.273
Chi phí nhân công	132.666.921.109	145.715.095.932
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.578.899.795	8.201.508.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.936.826.920	66.781.302.516
Chi phí khác bằng tiền	40.137.478.069	54.533.927.115
<b>Cộng</b>	<b>270.194.589.855</b>	<b>318.950.931.388</b>

**28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**28.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**28.1a GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>128.126.667.235</b>	<b>175.663.274.427</b>
- Ban QLDA Thủy điện 5	2.726.048.961	15.595.784.640
- Ban QLDA Thủy điện 6	11.626.250.957	18.090.717.248
- Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	33.051.014.450	57.143.867.288
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	4.876.581.124	7.521.045.057
- Công ty CP Thủy điện A Vương	624.359.107	1.868.591.670
- CN TCT Truyền tải điện QG - Công ty Truyền tải điện 4	10.298.442.781	8.219.113.797
- Công ty TNHH MTV NĐ Cần Thơ	-	7.579.272.521
- Ban QLDA NĐ Vĩnh Tân	2.706.631.395	4.210.378.961
- Công ty CP TĐ ĐắkĐRinh	-	1.896.194.066
- Ban QLDA CCTĐ Miền Bắc	5.954.047.929	2.140.341.073
- Công ty CP PTĐL Việt Nam	1.664.514.284	1.763.714.689

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**28.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**28.1a GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	24.822.076.458	10.630.199.970
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	1.012.360.960	4.236.677.757
- Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	-	518.632.727
- Công ty Truyền tải Điện 2	-	3.577.916.404
- Công ty CP Thủy điện Trị An	1.948.255.608	629.583.570
- Công ty TNHH MTV NĐ Phú Mỹ	-	-
- Công ty TĐ Đa Nhim - Hàm Thuận-ĐaMi	473.024.718	3.149.892.282
- Công ty thủy điện Đại Ninh	2.480.406.739	896.460.154
- Công ty Thủy điện Hòa Bình	2.721.304.367	-
- Điện lực An Giang	-	10.781.428
- Nhà máy điện Phả Lại	-	204.398.961
- Nhà máy điện Phú Mỹ	-	339.173.774
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế Điện	40.983.471	(49.153.141)
- Công ty Điện lực Khánh Hòa	-	451.342.608
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam - TCT Điện lực Miền Nam TNHH	3.225.380.485	25.038.346.923
- BQLDA Lưới điện Đồng Nai	84.544.737	-
- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	1.278.372.826	-
- Công ty Lưới điện Cao thế TP.HCM	63.890.307	-
- Công ty CP EVN Quốc tế	5.650.379.308	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	1.100.704.215	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	1.288.005.679	-
- Công ty Cổ phần TV Xây dựng điện 4	7.010.981.000	-
- Công ty Thủy điện IALY	1.398.105.369	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**28.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**28.1b SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
<b><i>Phải thu khách hàng</i></b>	<b>97.774.509.736</b>	<b>133.360.098.563</b>
- Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	3.353.051.876	6.105.371.610
- Ban QLDA CTTĐ Miền Bắc	6.638.791.721	2.393.432.000
- Ban QLDA CTTĐ Miền Nam	30.928.762.695	72.753.950.220
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	4.636.259.938	9.071.353.929
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	878.083.649	3.459.182.591
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	553.400.182	3.767.114.699
- Ban QLDA Thủy điện 1	44.476.695	44.476.695
- Ban QLDA Thủy Điện 5	3.248.459.483	3.365.426.835
- Ban QLDA Thủy Điện 6	19.245.778.238	17.833.216.094
- Công ty Truyền tải điện 1	85.295.218	85.295.218
- Công ty Truyền tải điện 2	2.431.377.859	4.913.422.107
- Công ty Truyền tải điện 4	11.851.570.382	5.482.066.624
- Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam	2.343.235.251	662.045.106
- Công ty Thủy Điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mí	617.030.061	2.509.992.862
- Công ty CP EVN Quốc tế	501.518.581	-
- Công ty Thủy điện Đại Ninh	758.636.676	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	745.092.084	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	1.084.654.364	-
- Công ty Cổ phần TV Xây dựng điện 4	3.296.058.400	296.058.400
- Công ty Thủy điện IALY	1.537.915.906	-
- Công ty Thủy điện Hòa Bình	1.372.705.600	-
- Công ty Thủy điện Trị An	1.622.354.877	-
- Công ty CP Thủy Điện A Vương	-	186.496
- Công ty TNHH NN MTV NĐ Cần Thơ	-	533.918.612
- BQLDA Lưới điện Đồng Nai	-	15.499.869
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	9.854.192
- Công ty TNHH MTV NĐ Phú Mỹ	-	58.234.404

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****28.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****28.1b SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Trả trước người bán</i></b>	<b>387.988.162</b>	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	381.702.701	-
- TT Viễn Thông Điện lực Miền Nam	6.285.461	-
<b>Các khoản phải trả</b>		
<b><i>Phải trả người bán</i></b>	<b>176.193.854</b>	<b>188.208.354</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn XD điện 1	159.636.354	159.636.354
- Nhà khách Bộ năng lượng	16.557.500	28.572.000
<b><i>Người mua trả tiền trước</i></b>	<b>22.809.446.309</b>	<b>15.934.625.310</b>
- Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	21.468.767.317	10.452.585.953
- Công ty TNHH NN MTV NĐ Cần Thơ	287.776.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy Điện A Vương	244.961.869	-
- Công ty Cổ phần TĐ An Khê - KaNak	124.000.000	124.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	150.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ	130.951.360	-
- Điện lực Bình Dương	2.989.763	2.989.763
- Xí nghiệp Khảo sát Thủy điện 2	400.000.000	400.000.000
- Công ty CP EVN Quốc tế	-	4.860.981.139
- Công ty CP Thủy điện Trị An	-	40.000.000
- Trung tâm tư vấn thiết kế điện	-	54.068.455

**28.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty đã được kiểm toán.

**Nguyễn Tài Anh**  
**Tổng Giám đốc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2012*

**Bùi Thị Ngọc Lý**  
**Trưởng phòng TCKT**